

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co tại ngưỡng 1,280 trong phiên giao dịch ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,279.48 điểm, gần như đi ngang so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tiện tích, Ngân hàng dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, ngành Bảo hiểm, Tài nguyên cơ bản có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Tâm lý thị trường đang khá e dè bởi thanh khoản khiêm tốn; thêm vào đó, cây nến doji hôm nay cho thấy bên bán và bên mua khá cân sức. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới, vì sự giằng co chưa có dấu hiệu kết thúc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-1.60** điểm, đóng cửa tại **1279.48** điểm. HNX-Index **-0.69** điểm, đóng cửa tại **228.26** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.40)**, **VHM (+0.37)**, **VNM (+0.36)**, **GVR (+0.34)**, **SAB (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SSB (-0.46)**, **GAS (-0.39)**, **PLX (-0.30)**, **LPB (-0.28)**, **FPT (-0.25)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **11,811** tỷ đồng, giảm **-23.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,257 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 6.93 điểm. Thị trường có **153** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **209** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-331.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-69.96 tỷ)**, **HDB (-62.17 tỷ)**, **VHM (-48.60 tỷ)**, **DBC (-45.56 tỷ)**, **VCB (-37.29 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-29.03** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.60%**. Các mã diễn biến tích cực: **MWG (+1.26%)**, **BID (+1.21%)**, **VPB (+0.97%)**.
- BSC50 **-1.26%**. Các mã diễn biến tích cực: **VIB (+0.79%)**, **HDB (+0.56%)**, **MSB (+0.39%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.60%	-1.26%	-0.41%	-0.20%
1 tuần	0.96%	1.07%	1.13%	1.47%
1 tháng	-1.21%	-1.49%	-1.23%	-1.14%
3 tháng	5.32%	4.64%	4.55%	5.93%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,279.48	228.26	92.32
% 1D	-0.12%	-0.30%	0.16%
GTGD (tỷ VND)	11,811	602	420
%1D	-23.93%	-38.07%	-38.78%
GDNN (tỷ VND)	-331.03	-29.03	31.84

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	77.15	FPT	-69.96
MWG	48.83	HDB	-62.17
DGC	23.75	VHM	-48.60
EIB	22.94	DBC	-45.56
TPB	22.18	VCB	-37.29

Thị trường thế giới

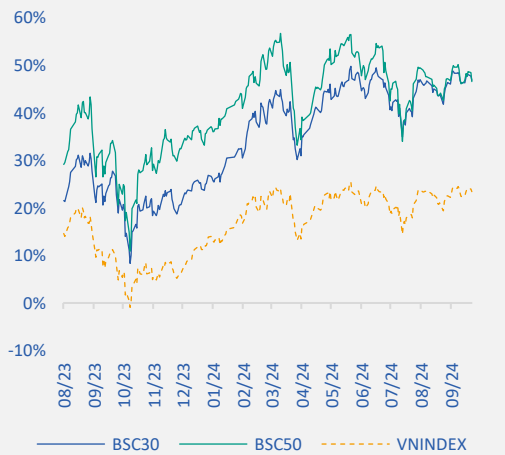
		%D	%W
SPX	5,815	-0.76%	1.12%
FTSE100	8,303	0.65%	0.72%
Eurostoxx	4,911	-2.32%	-0.90%
Shanghai	3,203	0.05%	-1.72%
Nikkei	39,202	-1.87%	0.76%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.45	-0.31%
Giá vàng	2,660	
Tỷ giá		
USD/VND	25,140	0.06%
EUR/VND	27,937	-0.04%
JPY/VND	170	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.7%	0.00%
LS LNH 1M	3.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



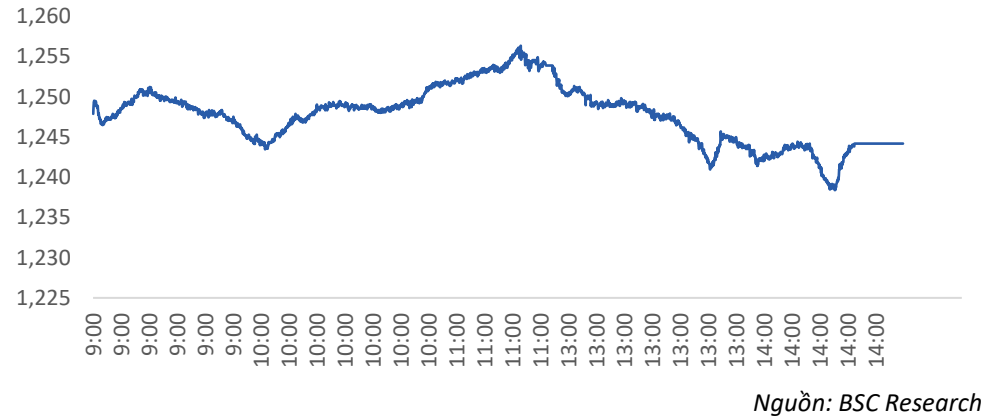
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1361.80	-0.01%	23,313	17.13%	11/21/2024	36
VN30F2412	1361.00	-0.16%	47	-18.97%	12/19/2024	64
VN30F2503	1360.00	0.00%	14	-81.58%	3/20/2025	155
VN30F2410	1354.50	-0.26%	156,176	-32.87%	10/17/2024	1

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -1.99 điểm, đóng cửa tại 1354.1 điểm. Biên độ dao động 7.62 điểm. Các cổ phiếu như SSB, FPT, MBB, ACB, MSN tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản tiếp tục nằm dưới đường MA20 cho thấy tâm lý thận trọng vẫn bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận Trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2411, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2410,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2314	1/9/2025	85	4,197,700	-68.05%	5.16	1,580	6.0%	6.06	20.83	65.20	65.20
CVNM2401	5/21/2025	217	440,200	-73.83%	6.60	1,380	1.5%	7.62	17.64	67.40	67.40
CVPB2401	5/21/2025	217	164,900	-76.26%	1.99	1,550	0.6%	9.93	4.94	20.80	20.80
CHPG2402	5/21/2025	217	123,700	-74.26%	2.82	1,530	-0.6%	8.95	6.99	27.15	27.15
CSTB2402	5/21/2025	217	1,444,700	-73.44%	3.00	1,970	-1.0%	10.21	8.91	33.55	33.55
CFPT2317	11/21/2024	36	15,600	-57.30%	8.72	3,820	-1.0%	9.85	58.20	136.30	136.30
CFPT2314	1/9/2025	85	4,091,800	-55.65%	8.64	6,000	-1.5%	14.80	60.44	136.30	136.30
CVPB2403	3/6/2025	141	93,200	-75.48%	1.90	1,600	-1.8%	9.47	5.10	20.80	20.80
CVHM2403	12/6/2024	51	209,200	-78.39%	4.05	1,410	-2.8%	10.21	9.69	44.85	44.85
CSTB2404	3/6/2025	141	253,200	-75.26%	3.10	1,300	-3.0%	7.63	8.30	33.55	33.55
CTPB2402	12/6/2024	51	204,700	-70.06%	1.80	1,760	-3.3%	8.05	5.23	17.45	17.45
CMBB2315	1/9/2025	85	826,800	-66.54%	1.96	1,680	-3.4%	6.02	8.53	25.50	25.50
CMBB2402	5/21/2025	217	267,100	-74.68%	2.35	2,100	-3.7%	11.86	6.46	25.50	25.50
CVIB2305	1/9/2025	85	310,800	-74.89%	2.08	480	-4.0%	3.01	4.80	19.10	19.10
CHPG2334	1/9/2025	85	70,800	-77.80%	2.68	460	-4.2%	3.37	6.03	27.15	27.15
CSTB2403	12/6/2024	51	10,200	-77.59%	3.00	1,130	-4.2%	7.64	7.52	33.55	33.55
CVHM2402	3/6/2025	141	57,600	-75.50%	4.15	1,710	-5.5%	10.19	10.99	44.85	44.85
CMBB2404	3/6/2025	141	186,800	-76.04%	2.35	1,880	-5.5%	11.60	6.11	25.50	25.50
CSTB2337	11/21/2024	36	785,600	-71.92%	2.70	960	-5.9%	4.41	9.42	33.55	33.55
CHPG2342	11/21/2024	36	70,900	-71.88%	2.18	600	-10.4%	2.75	7.64	27.15	27.15

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2403 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 25.00%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 46.95%.
- CFPT2314, CFPT2317, CMBB2315, CMWG2314, và CTPB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CSTB2405, CVNM2403, CVNM2315, CSTB2333, và CFPT2314 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MWG	65.50	1.71%	0.40	1.46
VHM	45.00	0.78%	0.37	4.35
VNM	67.50	1.05%	0.36	2.09
GVR	36.10	0.98%	0.34	4.00
SAB	57.80	1.23%	0.22	1.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	62.00	2.65%	0.15	0.13
PVI	48.00	0.84%	0.07	0.23
HUT	16.40	0.61%	0.06	0.89
VIF	16.30	1.24%	0.05	0.35
BVS	41.70	1.96%	0.04	0.07

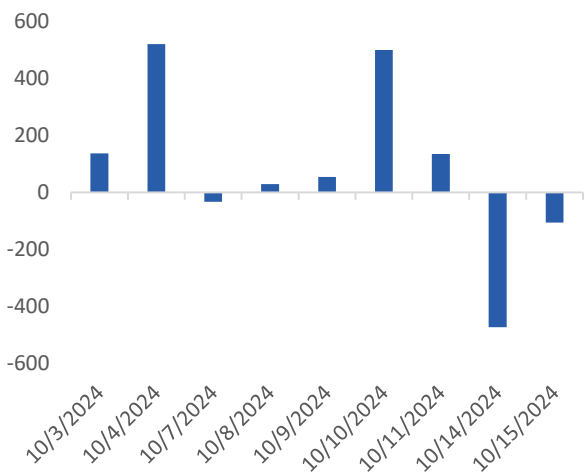
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SSB	16.70	-4.02%	-0.46	2.84
GAS	72.00	-0.96%	-0.39	2.34
PLX	41.85	-2.33%	-0.30	1.27
LPB	31.75	-1.40%	-0.28	2.56
FPT	136.30	-0.51%	-0.25	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	11.80	-1.67%	-0.13	0.90
SHS	15.20	-1.30%	-0.11	0.81
PVS	39.10	-0.76%	-0.10	0.48
CEO	14.50	-1.36%	-0.08	0.54
PGS	31.00	-6.34%	-0.07	0.05

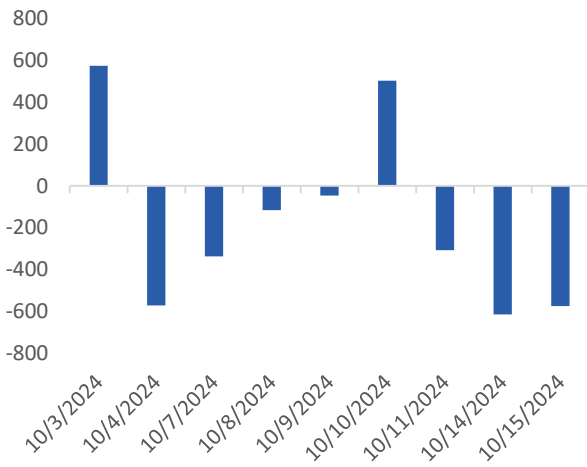
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	91.5	0.10%	0.6	20,588	4.8	5,962	15.3	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	49.8	-0.30%	1.1	11,440	3.6	4,006	12.4	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	20.8	0.00%	1.0	6,660	15.0	1,461	14.3	-	26.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.2	-0.20%	1.3	6,864	8.8	3,047	7.9	-	20.9%	Link
MBB	Ngân hàng	25.5	-0.60%	1.0	5,447	11.1	4,018	6.3	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.6	-0.30%	1.3	2,550	24.9	4,340	7.7	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	36.3	0.40%	1.3	7,848	5.5	3,782	9.6	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	25.8	-0.40%	0.8	4,630	5.6	3,676	7.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	27.1	-0.60%	1.4	2,140	10.7	1,882	14.4		41.3%	Link
IDC	Xây dựng	55.9	0.00%	1.1	743	0.9	5,573	10.0	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	27.1	-0.20%	1.1	6,978	12.7	1,746	15.5	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	20.5	-1.40%	1.6	512	4.4	1,844	11.1	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	45.0	0.80%	1.0	7,888	12.4	5,350	8.4	108,300	14.2%	Link
KDH	BĐS	36.4	-1.20%	1.2	1,333	3.5	765	47.6	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	38.2	-2.10%	1.2	592	3.3	1,102	34.7	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	115.2	-0.20%	1.5	1,761	8.5	7,898	14.6	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	36.8	-2.10%	1.3	784	7.9	2,828	13.0	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	72.0	-1.00%	0.6	6,790	2.2	4,760	15.1	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	39.1	-0.80%	0.9	752	2.8	1,932	20.2	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	26.3	-1.10%	1.3	589	1.8	1,155	22.8	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	12.6	0.00%	0.6	1,188	1.5	463	27.2	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	73.4	1.90%	1.4	663	1.9	3,234	22.7	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	75.1	-0.70%	0.9	939	1.8	4,054	18.5	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	67.5	1.00%	0.6	5,679	5.4	4,633	14.6	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	80.4	-0.50%	1.3	4,897	26.1	466	172.4	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	65.5	1.70%	1.2	3,855	36.2	1,507	43.5	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.6	0.50%	1.0	1,287	1.8	6,132	15.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	46.0	2.10%	1.8	403	1.6	2,236	20.6	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	136.3	-0.50%	1.1	8,072	15.1	4,890	27.9	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	133.2	1.30%	1.4	613	1.1	4,590	29.0	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	27.0	-0.40%	0.9	3,172	11.4	4,137	6.5	1.6	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.2	-0.30%	1.1	2,297	4.9	3,048	6.3	1.3	20.5%	21.4%
TPB	Ngân hàng	17.5	0.30%	1.2	1,861	6.1	2,154	8.1	1.1	28.4%	14.2%
MSB	Ngân hàng	12.7	-0.40%	1.1	1,329	5.9	2,366	5.4	0.7	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.4	1.40%	0.7	1,384	8.0	1,273	14.5	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	30.3	-0.20%	1.6	878	5.9	1,397	21.7	2.0	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	35.8	-0.70%	1.6	827	6.8	1,763	20.3	1.8	20.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.6	-1.00%	1.5	898	8.3	1,591	9.2	1.3	13.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	51.0	0.60%	1.7	458	0.8	2,165	23.6	2.1	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	15.2	-1.30%	1.7	498	3.8	1,338	11.4	1.1	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	63.2	-0.20%	1.4	254	1.0	3,098	20.4	0.7	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	12.0	-0.80%	1.7	208	1.5	869	13.7	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.7	-1.40%	1.6	83	0.4	766	14.0	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	37.8	1.30%	1.1	274	1.4	1,549	24.4	2.3	3.2%	12.1%
SIP	Xây dựng	73.3	-0.90%	1.4	621	0.4	5,931	12.4	3.4	2.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	58.0	-1.70%	1.0	316	0.4	3,028	19.2	2.1	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	20.0	-1.70%	1.7	491	4.0	151	132.5	1.6	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	14.5	-1.40%	1.7	316	1.5	318	45.6	1.2	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.2	0.00%	1.5	840	2.1	300	90.7	1.1	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.8	0.20%	1.3	773	1.4	1,776	24.1	2.4	4.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	36.1	1.00%	1.4	5,813	3.3	693	52.1	2.8	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	21.0	-2.10%	1.6	223	2.5	1,580	13.3	1.0	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	124.9	2.40%	1.3	412	2.2	11,420	10.9	3.9	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.8	-0.40%	1.4	209	1.0	683	20.1	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	15.0	0.30%	1.5	437	2.6	249	60.5	1.0	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.7	-0.50%	1.4	1,711	3.2	1,975	9.5	1.1	22.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	19.7	-2.00%	1.8	692	6.8	500	39.4	1.6	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.0	-1.70%	1.7	491	4.0	151	132.5	1.6	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.4	0.60%	1.1	589	0.5	64	258.4	1.7	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.6	-1.10%	1.2	-	0.1	503	17.1	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	37.0	-1.10%	1.9	165	1.5	4,748	7.8	1.1	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	36.8	-0.30%	1.1	119	0.1	3,067	12.0	1.6	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	29.6	2.60%	0.8	142	1.7	2,509	11.8	1.9	11.7%	16.5%
PC1	Điện	27.4	-0.40%	1.3	343	1.8	1,203	22.8	1.6	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	27.6	0.00%	1.3	373	1.2	1,958	14.1	1.5	15.7%	11.8%
GEX	Điện	20.3	-0.50%	1.5	702	4.7	1,245	16.3	1.3	8.3%	7.0%
QTP	Điện	13.9	-0.70%	0.6	-	0.0	1,357	10.2	1.1	1.2%	11.2%
PLX	O&G	41.8	-2.30%	0.8	2,141	4.1	2,879	14.5	2.1	18.2%	13.8%
BSR	O&G	22.7	-0.40%	1.0	-	3.5	2,408	9.4	1.2	0.7%	13.4%
PLC	O&G	23.3	-2.90%	1.5	76	0.1	734	31.8	1.5	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	33.3	0.50%	1.6	178	0.5	114	292.9	1.6	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	61.5	0.80%	1.0	166	0.2	4,899	12.6	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	17.3	0.60%	1.3	200	0.9	713	24.3	1.1	3.1%	7.3%
HAH	Logistics	42.6	0.60%	1.3	208	2.6	2,800	15.2	1.8	7.7%	10.6%
DBC	Logistics	30.0	-1.50%	1.5	404	9.2	1,604	18.7	1.5	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	178.0	-0.60%	0.8	976	2.1	(414)	-429.6	14.6	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.3	0.60%	0.6	-	0.4	6,678	7.4	2.0	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	24.1	0.00%	1.3	119	1.0	2,254	10.7	1.5	19.5%	14.7%
PVT	O&G	28.1	-0.70%	1.1	403	2.1	2,805	10.0	1.4	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	34.2	-1.40%	1.3	538	4.0	1,703	20.1	1.1	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	64.9	-0.50%	1.1	1,231	1.1	3,804	17.1	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660